

Bảo đảm không gian an toàn cho trẻ em nhìn từ góc độ quyền được bảo vệ

Phạm Thị Tính*

Tóm tắt: Việc bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em chính là tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, nhân tố tạo nên sự phát triển bền vững của đất nước trong tương lai. Do đó, việc bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em được xác định là trách nhiệm của cả gia đình và toàn xã hội. Công ước Quyền trẻ em ra đời đã được 30 năm nhưng việc vi phạm quyền trẻ em vẫn diễn ra khá phổ biến, trong đó có tình trạng bạo lực, bóc lột và xâm hại trẻ em. Vậy, có cơ chế nào để bảo vệ trẻ em khỏi sự bóc lột, xâm hại và bạo lực, bài viết này sẽ tập trung xem xét một số vi phạm về quyền trẻ em ở Việt Nam và phân tích cơ chế bảo đảm không gian an toàn của trẻ em từ góc độ quyền được bảo vệ theo Công ước quốc tế Quyền trẻ em và pháp luật Việt Nam.

Từ khóa: Trẻ em; Quyền trẻ em; Không gian an toàn; Bạo lực; Xâm hại trẻ em.

Ngày nhận bài: 2/5/2019; ngày chỉnh sửa: 17/5/2019; ngày duyệt đăng: 12/7/2019.

1. Thực trạng thực hiện quyền trẻ em ở Việt Nam

Trong Lời mở đầu của Công ước quốc tế về Quyền trẻ em (QTE) có ghi “Do còn non nớt về thể chất và trí tuệ, trẻ em cần được bảo vệ và chăm sóc đặc biệt, kể cả sự bảo vệ thích hợp về mặt pháp lý trước cũng như sau khi ra đời” (Liên hợp quốc, 1989). Công ước quốc tế về Quyền trẻ em đã

* TS., Viện Nghiên cứu Con người, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

khăng định, trẻ em do chưa phát triển hoàn thiện về thể chất, trí tuệ và tâm sinh lý nên cần được gia đình và xã hội bảo vệ, chăm sóc đặc biệt. Ngoài những thứ tối cần thiết cho sự sống còn và phát triển, trẻ còn cần có không gian an toàn để vui chơi, học tập và phát triển toàn diện bản thân. Ngày nay, phần lớn trẻ em đã được chăm sóc, được sống trong sự đủ đầy cả về vật chất và tinh thần; được tham gia bày tỏ quan điểm, chính kiến trong những vấn đề liên quan đến bản thân, nhưng bên cạnh đó cũng còn khá nhiều trẻ em không có tuổi thơ, hàng ngày phải tự bươn trải kiếm sống, bị bỏ mặc, bị bóc lột sức lao động, bị bạo lực, bị xâm hại...

Ở Việt Nam, tình trạng bóc lột, bạo lực, xâm hại trẻ em những năm gần đây có chiều hướng gia tăng, đặc biệt là xâm hại tình dục trẻ em. Theo thống kê của Bộ Công an, từ năm 2013 đến 2017, mỗi năm bình quân cả nước có 1.600 đến 1.800 vụ xâm hại trẻ em được phát hiện. Riêng năm 2018, phát hiện 1.547 vụ với 1.669 đối tượng phạm tội, xâm hại 1.579 trẻ. Trong đó, các vụ xâm hại tình dục là 1.273 vụ (chiếm 82,3% trên tổng số vụ xâm hại trẻ em) với 1.237 đối tượng, xâm hại 1.293 em. Các địa phương xảy ra nhiều vụ xâm hại trẻ em gồm: Hà Nội 88 vụ, thành phố Hồ Chí Minh 77 vụ, Đắk Lắk 52 vụ, Tây Ninh 51 vụ, Đồng Nai 46 vụ, An Giang và Bình Dương 42 vụ, Bạc Liêu, Cà Mau, Bà Rịa - Vũng Tàu 41 vụ, Vĩnh Long, Bình Phước 37 vụ (Ngọc Quỳnh, 2019).

Bảng 1. Thống kê các vụ xâm hại tình dục trẻ em giai đoạn 2010-2014

Tội danh	Năm 2010		Năm 2011		Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014	
	Số vụ	Số bị cáo	Số vụ	Số bị cáo	Số vụ	Số bị cáo	Số vụ	Số bị cáo	Số vụ	Số bị cáo
Hiếp dâm trẻ em	395	477	458	529	483	563	494	561	558	651
Cưỡng dâm trẻ em	4	6	3	4	2	2	9	10	5	5
Giao cấu với trẻ em	287	305	364	378	371	394	424	444	596	613
Dâm ô với trẻ em	128	131	131	132	137	144	126	127	143	144
Mua dâm người chưa thành niên	6	15	15	21	5	11	9	12	12	17
Tổng số	820	934	971	1064	998	1114	1062	1154	1314	1430

Nguồn: Số liệu thống kê - tổng hợp của Tòa án Nhân dân Tối cao, 2015 (dẫn theo Tăng Thị Thu Trang, 2016:82).

Số liệu Bảng 1 cho thấy, tình trạng xâm hại trẻ em đều tăng qua các năm, đặc biệt là tội “hiếp dâm trẻ em” và tội “giao cấu với trẻ em”. Tuy nhiên, đây chỉ là “phần nổi của tảng băng chìm”, con số rất nhỏ so với thực tế bởi hành vi xâm hại tình dục trẻ em biểu hiện rất đa dạng (hiếp dâm, cưỡng dâm, giao cấu, dâm ô...), có những hành vi dễ dàng nhận biết, cũng có những hành vi rất khó nhận biết, càng khó hơn khi các hành vi được thực hiện bởi người thân, người có trách nhiệm dạy dỗ, chăm sóc trẻ.

Qua các vụ bóc lột, xâm hại hay quấy rối tình dục trẻ em bị phát hiện thời gian qua mà các phương tiện truyền thông đưa tin cho thấy, các hành vi có thể xảy ra ở mọi nơi, mọi lúc, cả trong gia đình, ở ngoài xã hội và trong nhà trường. Mọi trẻ em đều có nguy cơ bị xâm hại, cả những trẻ sống trong gia đình nghèo hay gia đình khá giả, cả trẻ sống ở thành thị hay nông thôn; không chỉ trẻ em gái mà cả trẻ em trai đều có thể trở thành nạn nhân của tình trạng bóc lột, bạo lực hay xâm hại tình dục. Và, đối tượng thực hiện hành vi thường là người có quan hệ gần gũi, quen biết với trẻ và gia đình như những người có trách nhiệm nuôi dưỡng, quản lý, giáo dục trẻ; những người thân trong gia đình, người quen biết, hàng xóm. Hậu quả mà các hành vi bạo lực, xâm hại, bóc lột trẻ để lại không chỉ gây ra cho các em những vết sẹo trên thân thể, mà trẻ còn phải chịu những vết thương lớn về mặt tinh thần có thể ảnh hưởng đến suốt cuộc đời, thậm chí làm các em bị rối loạn tâm thần, rối loạn hành vi; ảnh hưởng đến việc học hành và sự phát triển của trẻ.

Có thể nói, bạo lực, bóc lột, xâm hại trẻ em là những hành vi hết sức nguy hiểm đối với trẻ em, gia đình và xã hội, cả trong hiện tại và tương lai do những hệ quả của nó để lại. Đây cũng là hành vi vi phạm quyền con người, quyền được bảo vệ của trẻ em. Vì vậy, gia đình và toàn xã hội cần có biện pháp để xóa bỏ các hành vi vi phạm quyền trẻ em, tạo không gian an toàn để trẻ em được phát triển toàn diện, cũng là việc thực hiện nghĩa vụ quốc gia về bảo vệ quyền trẻ em mà Chính phủ đã cam kết.

2. Cơ chế bảo đảm không gian an toàn của trẻ em từ góc độ quyền được bảo vệ

Không gian gắn với trẻ em nhất đó là gia đình, trường học, các điểm vui chơi, sinh hoạt cộng đồng (không gian công cộng) là những địa điểm trẻ em thường đến nhất để học tập và vui chơi. Theo Công ước quốc tế về Quyền trẻ em, tất cả trẻ em đều có quyền được bảo vệ dưới mọi hình thức để không bị bạo lực, xâm hại, bỏ rơi, bỏ mặc làm tổn hại đến sự phát triển toàn diện của trẻ; các gia đình, cơ quan và công chức được giao nhiệm vụ

có quyền thực hiện các biện pháp phù hợp để phòng ngừa, ngăn chặn và xử lý các hành vi bạo lực, xâm hại trẻ em.

2.1. Cơ chế pháp lý bảo đảm không gian an toàn cho trẻ em trong luật pháp quốc tế

Công ước quốc tế về Quyền trẻ em năm 1989 là văn bản pháp lý quốc tế đề cập đến việc bảo đảm và bảo vệ QTE theo hướng tiến bộ, bình đẳng và toàn diện nhất. Các quốc gia thành viên phải thực hiện tất cả các biện pháp thích hợp để bảo vệ trẻ em khỏi tất cả các hình thức bạo lực về thể chất, tinh thần, bị tổn thương hay bị lạm dụng, bị bỏ mặc, chăm sóc sao nhãng hay bị ngược đãi, bị bóc lột (Điều 19 Công ước).

Ngoài ra, việc bảo đảm QTE cũng được ghi nhận trong Bộ luật nhân quyền quốc tế: Tuyên ngôn nhân quyền năm 1948; Công ước quốc tế về các quyền Dân sự, chính trị năm 1966 (Điều 23, 24); Công ước về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa năm 1966 (Điều 10); Công ước về Xóa bỏ mọi sự phân biệt đối xử với phụ nữ, 1979 (Điều 5, 10, 11). Chính phủ Việt Nam là thành viên của tất cả các công ước này, đồng nghĩa với việc Chính phủ đã cam kết tôn trọng, bảo vệ và thực hiện các QTE, không phân biệt giới tính, dân tộc, tôn giáo, con đẻ, con nuôi, con trong hôn nhân, con ngoài giá thú... đều bình đẳng về các quyền và bổn phận.

Công ước quốc tế về QTE với nội dung xuyên suốt bốn nguyên tắc cơ bản: 1) Không phân biệt đối xử trong đảm bảo thực hiện tất cả các quyền trẻ em; 2) Lợi ích tốt nhất của trẻ em phải là mối quan tâm hàng đầu trong mọi hoạt động; 3) Mọi trẻ em đều có quyền được sinh tồn và phát triển; và 4) Trẻ em có quyền thể hiện ý kiến riêng của mình, quyền đó phải được tôn trọng.

Bốn nguyên tắc này có mối quan hệ mật thiết với nhau và là điều kiện tiên quyết để hiện thực hóa các QTE, đồng thời cũng là nền tảng để các quốc gia thành viên nội luật hóa vào luật pháp quốc gia. Các QTE tập trung vào 4 nhóm cơ bản sau: (1) Quyền sống còn: trẻ em được sống và được đáp ứng những nhu cầu để tồn tại như mức sống đủ, có nơi ở, dinh dưỡng và chăm sóc sức khỏe; (2) Quyền được phát triển, gồm những thứ trẻ em cần có để phát triển đầy đủ nhất như quyền giáo dục, vui chơi, các hoạt động văn hóa, tiếp cận thông tin...; (3) Quyền được bảo vệ: đòi hỏi trẻ em phải được bảo vệ, chống lại tất cả các hình thức phân biệt đối xử, lạm dụng, sao nhãng và bóc lột...; (4) Quyền được tham gia: cho phép trẻ em đóng một vai trò tích cực trong cộng đồng và đất nước của các em, gồm sự tự do diễn đạt, bày tỏ quan điểm...

Các quốc gia thành viên có nghĩa vụ phải thi hành tất cả những biện pháp và giáo dục thích hợp để bảo vệ trẻ em khỏi tất cả các hình thức bạo

lực về thể chất hoặc tinh thần, bị thương tổn hay bị xâm hại, bị bỏ mặc hoặc sao nhãng, bị ngược đãi hoặc bóc lột, gồm cả xâm hại tình dục (Điều 19). Các hành động đó có thể gây ảnh hưởng nghiêm trọng tới sức khỏe thể chất và tâm thần của trẻ trong ngắn và dài hạn, làm giảm khả năng học tập và sinh hoạt, và tác động tới quá trình trưởng thành của các em. Đồng thời, chúng còn ảnh hưởng tới toàn xã hội, làm cản trở sự tăng trưởng kinh tế, gây bất ổn xã hội và sự xuống cấp về văn hóa. Những hệ quả này nếu không được ngăn chặn và giáo dục kịp thời sẽ có thể truyền từ thế hệ này sang thế hệ kế tiếp.

Bảo vệ trẻ em khỏi sự phân biệt đối xử là một trong bốn nguyên tắc có tầm quan trọng đặc biệt trong thực hiện Công ước (các Điều 2, 7, 23, 30). Theo đó, các quyền phải được áp dụng bình đẳng cho tất cả mọi trẻ em, dù đó là trẻ em trai hay em gái, trẻ thuộc dân tộc thiểu số hay đa số, trẻ sống ở thành thị hay nông thôn, trẻ ở miền núi hay đồng bằng, trẻ bình thường hay trẻ khuyết tật, trẻ là con nhà giàu hay con nhà nghèo, trẻ là con nuôi hay con đẻ, con trong hôn nhân hay con ngoài giá thú... đều bình đẳng trong việc tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản như giáo dục, y tế, pháp lý... Nhà nước phải có những biện pháp thích hợp để đảm bảo rằng mọi dịch vụ xã hội cơ bản như giáo dục, y tế, pháp lý phải đến được với mọi trẻ em.

Bảo vệ trẻ em khỏi sự bóc lột và lạm dụng được quy định tại các Điều 10, 16, 17, 19, 20, 21, 25, 32, 33, 34, 35, 36, 37, 39, 40. Công ước khẳng định, trẻ em có quyền được bảo vệ khỏi mọi hình thức bạo lực, lạm dụng (bóc lột sức lao động, lao động cưỡng bức, lao động nô lệ - đánh trẻ bị tàn tật rồi bắt đi ăn xin, buôn bán trẻ em và khai thác tình dục vì mục đích thương mại, xâm hại tình dục...) nhằm bảo đảm tối đa quyền sống còn của trẻ. Nhà nước có trách nhiệm phải bảo vệ mọi trẻ em chống lại những hành vi bóc lột, lạm dụng, ngược đãi của cha mẹ hay những người chịu trách nhiệm chăm sóc trẻ; phải lập ra những chương trình xã hội thích hợp để ngăn ngừa sự lạm dụng và điều trị cho nạn nhân bằng mọi hình thức, biện pháp (Điều 19). Bởi, nếu người xâm hại, ngược đãi trẻ chính là người gần gũi, thân thiết trẻ vẫn tiếp xúc và tin tưởng hàng ngày thì những tổn thương này sẽ sâu sắc và nghiêm trọng hơn so với đó là người lạ. Các hành động gây tổn thương về thể xác gây đau đớn (đánh, đập...) hoặc gây tổn thương về tinh thần (mắng mỏ, nạt nộ, bêu riếu, xỉ nhục...) đều để lại các hậu quả rất nặng nề và lâu dài đối với trẻ.

Công ước khẳng định, những trẻ không có cha mẹ hoặc bị cách ly khỏi cha mẹ vì một lý do nào đó cần được bảo vệ đặc biệt (Điều 9, 20, 21). Trẻ em có quyền được sống với cha mẹ, được cha mẹ yêu thương, chăm sóc và bảo vệ. Tuy nhiên, trẻ em cũng có thể bị tách khỏi cha mẹ trong trường hợp môi trường gia đình không có lợi cho sự sống còn và phát triển của trẻ như cha mẹ ly hôn, cha hoặc mẹ tái giá và con có nguy cơ bị ngược đãi, cha mẹ

nghiện hút, cờ bạc... (Điều 32). Qui định này không cản trở việc giáo dục trẻ em biết yêu lao động, cố ý thức giúp đỡ cha mẹ, giúp đỡ gia đình những việc vừa sức và tuổi của các em. Công ước qui định rõ trách nhiệm của Nhà nước trong việc bảo vệ trẻ em chống lại nạn khai thác và lạm dụng, các hình thức bóc lột gây nguy hại đến sức khỏe, tính mạng hay phúc lợi của trẻ; trách nhiệm của nhà nước là phải thực hiện mọi biện pháp thích hợp để ngăn ngừa việc bắt cóc và buôn bán trẻ em vì bất kỳ mục đích gì (Điều 34, 35, 36).

Bảo vệ trẻ em trong những trường hợp khủng hoảng và khẩn cấp quy định tại các Điều 10, 22, 25, 38, 39, đối tượng trẻ em này gồm: trẻ trong vùng bị thiên tai và thảm họa, trẻ em có cha mẹ bị chết do tai nạn, thiên tai, bão lụt; trẻ em trong các gia đình có xung đột, trẻ bị tước mất môi trường gia đình do bị ngược đãi, cha mẹ ốm đau, bị giam, bị bỏ tù...; trẻ tị nạn hoặc phải tạm thời sống xa gia đình, trẻ bị ảnh hưởng của chiến tranh, cần được bảo vệ để được đoàn tụ với gia đình, trường hợp quyền không thể thực hiện thì các em được hưởng sự bảo vệ như tất cả các trẻ em tạm thời hay vĩnh viễn bị tước đoạt môi trường gia đình (Điều 39).

Theo Công ước, tất cả những trẻ em bị tước đoạt môi trường gia đình đều có quyền được hưởng sự chăm sóc thích hợp thay thế hoặc có những cơ sở nuôi dạy để trẻ sớm phục hồi về thể chất, tâm lý và tái hòa nhập xã hội. Các hoạt động này phải diễn ra trong môi trường làm tăng cường sức khỏe, lòng tự trọng và phẩm giá của trẻ.

Để mọi trẻ em thiếu may mắn trong cuộc sống cũng được bảo vệ chống lại mọi sự phân biệt đối xử, sự ngược đãi, xâm hại, bóc lột về kinh tế, sự lạm dụng về thể xác và tình dục, sự lơ là, sao nhãng hay bỏ mặc... Công ước đã đề ra các biện pháp bảo vệ đặc biệt buộc các quốc gia phải cam kết thực hiện là điều có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với sự sống còn và phát triển của trẻ. Việt Nam là quốc gia đầu tiên ở châu Á và quốc gia thứ hai trên thế giới ký và phê chuẩn toàn bộ Công ước này, nên việc tôn trọng, bảo vệ và thực hiện các QTE được ghi nhận trong Công ước là trách nhiệm và nghĩa vụ của Nhà nước Việt Nam. Việc các cơ quan của Nhà nước, các cán bộ công chức được nhà nước giao nhiệm vụ, các gia đình và toàn xã hội cùng chung tay nỗ lực thực hiện và giám sát việc thực hiện các QTE trên thực tế là điều thực sự có ý nghĩa đối với cuộc sống của trẻ em - những chủ nhân tương lai của mỗi gia đình, dòng họ, của mỗi cộng đồng, quốc gia và quốc tế.

2.2. Cơ chế bảo đảm không gian an toàn của trẻ em trong luật pháp quốc gia

Ở Việt Nam, các chủ trương, chính sách và luật pháp về việc bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em là quan điểm nhất quán xuyên suốt của Đảng

và Nhà nước, đặc biệt là từ khi đất nước bước vào thời kỳ mở cửa và hội nhập thì vấn đề QTE càng được chú trọng. Việc tham gia Công ước quốc tế về QTE đã góp phần quan trọng vào việc điều chỉnh Luật Trẻ em và một số luật có liên quan trong hoạt động bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em trên cơ sở tiếp cận dựa trên QTE. Khung luật pháp liên quan đến bảo vệ trẻ em đã có những qui định quan trọng tạo cơ sở vững chắc trong hoạt động bảo vệ trẻ em.

Lần đầu tiên vấn đề QTE được Nhà nước, gia đình và toàn xã hội cam kết bảo vệ khỏi bị xâm hại, hành hạ, ngược đãi, bỏ mặc, lạm dụng, bóc lột sức lao động... trong một văn bản có giá trị pháp lý cao nhất của đất nước là Hiến pháp năm 2013. Điều 37 của Hiến pháp ghi rõ *“Trẻ em được Nhà nước, gia đình và xã hội bảo vệ, chăm sóc và giáo dục; được tham gia vào các vấn đề về trẻ em. Nghiêm cấm xâm hại, hành hạ, ngược đãi, bỏ mặc, lạm dụng, bóc lột sức lao động và những hành vi khác vi phạm quyền trẻ em”*. Bên cạnh đó, với sự công nhận, quyền con người cũng là QTE và ghi nhận sự chuyển đổi quan trọng trong nhận thức về trẻ em, từ vị thế là đối tượng hưởng lợi thụ động tiếp nhận lòng nhân từ của người lớn trở thành chủ thể nắm quyền của mình và tham gia tích cực vào quá trình phát triển *“trẻ em được tham gia các vấn đề về trẻ em, được quyền bày tỏ quan điểm, chính kiến...”*. Đây là yếu tố then chốt làm nền tảng cho việc ban hành các văn bản luật và dưới luật, cụ thể hóa và hiện thực hóa các quyền trẻ em, từng bước thúc đẩy trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức và cá nhân được giao nhiệm vụ chăm sóc, bảo vệ và giáo dục trẻ em, điều mà các Hiến pháp trước đây còn thiếu.

Luật Trẻ em năm 2016 đã cụ thể hóa các QTE được ghi nhận trong Công ước. Cụ thể, nhóm các quyền được bảo vệ của trẻ em được Luật Trẻ em 2016 ghi nhận, gồm: Quyền được bảo vệ để không bị xâm hại tình dục (Điều 25); Quyền được bảo vệ để không bị bóc lột sức lao động (Điều 26); Quyền được bảo vệ để không bị bạo lực, bỏ rơi, bỏ mặc (Điều 27); Quyền được bảo vệ để không bị mua bán, bắt cóc, đánh tráo, chiếm đoạt (Điều 28); Quyền được bảo vệ khỏi chất ma túy (Điều 29); Quyền được bảo vệ trong tố tụng và xử lý vi phạm hành chính (Điều 30); Quyền được bảo vệ khi gặp thiên tai, thảm họa, ô nhiễm môi trường, xung đột vũ trang (Điều 31).

Luật cũng qui định các cấp độ bảo vệ trẻ em và trách nhiệm của các cơ quan hữu quan trong việc bố trí cán bộ bảo vệ trẻ em ở cấp xã/ phường/ thị trấn (từ Điều 47 đến Điều 54); từ Điều 55 đến Điều 59 qui định các cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ; từ Điều 60 đến Điều 69 qui định việc chăm sóc thay thế; từ Điều 70 đến Điều 73 qui định các biện pháp bảo vệ trẻ em trong quá trình tố tụng, xử lý vi phạm hành chính, phục hồi và tái hòa nhập cộng đồng. Chương VI quy định trách nhiệm của 18 cơ quan, tổ chức, cơ

sở giáo dục, gia đình và cá nhân trong việc bảo vệ và thực hiện QTE (từ Điều 79 đến Điều 102).

Ngoài ra, các Luật khác cũng có những quy định liên quan đến bảo vệ không gian an toàn cho trẻ em như Luật Giáo dục năm 2005 qui định cấm trừng phạt thân thể trong trường học; Luật phòng, chống bạo lực gia đình năm 2007, qui định cấm các hành vi bạo lực gia đình, gồm cả bạo lực với trẻ em; Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 yêu cầu đối xử bình đẳng giữa con trai và con gái, con trong giá thú và con ngoài giá thú, các điều kiện hạn chế quyền của cha mẹ trong trường hợp cha/mẹ vi phạm nghiêm trọng quyền của con chưa thành niên; Luật tổ chức Tòa án nhân dân là căn cứ pháp lý thành lập Tòa án gia đình và người chưa thành niên...

Có thể nói, các cơ chế pháp lý bảo đảm không gian an toàn cho trẻ em của Việt Nam khá đầy đủ. Việt Nam đã được cộng đồng quốc tế đánh giá là một trong những quốc gia có cam kết chính trị mạnh mẽ và các biện pháp tích cực về xây dựng pháp luật, chính sách, chương trình quốc gia... thực hiện Công ước về QTE. Các quy định về bảo vệ trẻ em khỏi sự bóc lột, lạm dụng và xâm hại trẻ em ngày càng được quan tâm nhằm đáp ứng các nhu cầu bảo vệ trẻ em trước đòi hỏi của thực tiễn. Tuy nhiên, về mặt thực thi vẫn còn khoảng cách khá xa so với Luật mặc dù đã có những thay đổi thời gian qua.

2.3. Một số khó khăn, bất cập trong bảo đảm không gian an toàn cho trẻ em ở Việt Nam

Có quá nhiều văn bản qui phạm liên quan đến bảo vệ trẻ em nhưng thiếu sự thống nhất trong giải thích một số định nghĩa, thuật ngữ, từ ngữ (định nghĩa xâm hại tình dục trẻ em, như: hiệp dâm, cưỡng dâm, giao cấu, dâm ô với trẻ em... chưa được làm rõ và thiếu sự thống nhất giữa các Luật) và thiếu các qui định cụ thể.

Việc triển khai thực hiện Luật trẻ em còn phân tán, quá nhiều cơ quan chịu trách nhiệm nhưng luật chưa quy định cơ chế phối hợp nên công tác thực hiện kém hiệu quả; công tác phối hợp liên ngành chưa chặt chẽ.

Khuôn khổ pháp luật quốc gia trên cơ sở các chuẩn mực quốc tế về QTE còn nhiều khiếm khuyết, chẳng hạn Luật Trẻ em qui định độ tuổi trẻ em là dưới 16, trong Công ước là dưới 18; một số hành vi xâm hại tình dục trẻ em chưa được quy định đầy đủ và cụ thể, theo yêu cầu của các chuẩn mực quốc tế.

Thiếu các tiêu chuẩn, quy định và quy trình cho hệ thống bảo vệ trẻ em, từ khâu ngăn ngừa, phát hiện sớm, báo cáo, can thiệp cho đến các hoạt động điều trị phục hồi thể chất, tâm lý, giúp các em tái hòa nhập cộng

đồng, hay các dịch vụ chuyên biệt và theo dõi, hỗ trợ lâu dài cho trẻ, đặc biệt là trẻ bị xâm hại tình dục.

Chưa có cơ sở dữ liệu quốc gia về trẻ em và thực hiện QTE; thiếu tính thống nhất về số liệu giữa các bộ, ngành (Bộ Công an, Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội).

Việc phân bổ và sử dụng nguồn lực cho việc thực hiện QTE còn nhiều bất cập và hạn chế (cả về nguồn lực con người và nguồn lực tài chính).

Nhận thức của các gia đình và cộng đồng về các kỹ năng bảo vệ trẻ em còn nhiều hạn chế. Đội ngũ công tác viên cơ sở thường là kiêm nhiệm, thiếu chuyên môn nghiệp vụ về công tác xã hội nên nhiều thông tin về trẻ em không được bao quát, nhiều vụ việc không được phát hiện sớm để ngăn chặn.

Hệ thống tư pháp thân thiện với trẻ em chưa được thực hành rộng rãi. Trẻ em còn thiếu nhiều kỹ năng để tự bảo vệ mình trước các nguy cơ bị xâm hại, bị bạo lực. Với những trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt đã có quy định về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục, nhưng chủ yếu là các quy định mà chưa gắn với việc thực thi; chưa có quy định về biện pháp bảo đảm, bảo vệ, nhất là các chính sách an sinh xã hội và phúc lợi xã hội; chưa có các biện pháp bảo vệ, quy trình phát hiện, cơ quan tiếp nhận thông báo, cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp; các dịch vụ can thiệp hỗ trợ gồm những loại hình nào, cơ quan nào quản lý, thực hiện; các chính sách trợ giúp cũng chưa được luật quy định cụ thể.

Bên cạnh đó, trong các gia đình có sự thiếu vắng người cha, người mẹ, thậm chí thiếu vắng cả cha lẫn mẹ trong gia đình do cuộc sống mưu sinh hoặc do bố mẹ ly hôn thì những đứa trẻ thiếu sự dạy bảo trực tiếp của cha mẹ đang ngày càng gia tăng cũng là một trong những nhân tố chính gây mất an toàn cho trẻ hiện nay.

3. Một số đề xuất, gợi ý chính sách bảo đảm không gian an toàn cho trẻ em

Nhà nước cần tăng cường các hình thức truyền thông về bảo vệ QTE, nâng cao nhận thức cho cộng đồng và các gia đình trong việc phát hiện, tố giác và đấu tranh chống các hành vi xâm hại, bạo lực, quấy rối tình dục trẻ em... kết hợp đào tạo kỹ năng về bảo vệ trẻ em và các hình thức xâm hại trẻ em cho cha, mẹ, người chăm sóc trẻ và cho chính bản thân trẻ và các kỹ năng, biện pháp phòng tránh.

Cần bổ sung thêm những quy định trong pháp luật nhằm tăng cường khả năng phòng, ngừa, ngăn chặn các nguy cơ xâm hại, bạo lực trẻ em; nâng mức xử phạt đối với những hành vi xâm hại trẻ em, đặc biệt là xâm hại tình dục trẻ em.

Các văn bản quy phạm cần quy định rõ tên cơ quan, cá nhân có trách nhiệm chính trong tiếp nhận, giải quyết các phát hiện, tố giác trẻ em bị xâm hại, bị bạo lực; hệ thống dịch vụ bảo vệ trẻ em tại cộng đồng; bảo vệ trẻ em trong quá trình tố tụng để việc tố cáo, xác minh kịp thời, nhanh chóng các hành vi xâm hại, bóc lột trẻ em.

Chính phủ cần cho xây dựng và thực hiện điều tra thu thập số liệu và giám sát dữ liệu các vấn đề trẻ em, bảo vệ trẻ em và thực hiện QTE cấp quốc gia.

Cần quan tâm đến đội ngũ cán bộ, nhân viên bảo vệ trẻ em tại cộng đồng thông qua hoạt động đào tạo kỹ năng, hỗ trợ tài chính để họ có thêm động lực để làm việc nhằm phát triển đội ngũ cán bộ bảo vệ trẻ em chuyên nghiệp, tâm huyết với nghề.

Cần đào tạo kỹ năng nâng cao kiến thức cho đội ngũ cán bộ hành pháp (công an, công tố viên, thẩm phán) về hệ thống tư pháp thân thiện với trẻ em và áp dụng các biện pháp phù hợp trong xử lý, giải quyết vụ việc nhằm thúc đẩy sự phối hợp nội bộ giữa các cơ quan thực thi pháp luật.

Chính quyền địa phương cần xây dựng mô hình cung cấp các dịch vụ bảo vệ toàn diện cho trẻ em; thực hiện phân quyền cho một cơ quan nắm quyền chủ trì công tác thu thập và giám sát các dữ liệu về trẻ em tại địa phương; phân bổ nguồn lực từ ngân sách địa phương cho các hoạt động bảo vệ trẻ em và lồng ghép vào các chính sách phát triển của địa phương.

Xây dựng cơ chế phối hợp và chia sẻ thông tin giữa các tổ chức chính phủ, phi chính phủ, tổ chức xã hội dân sự nhằm nâng cao năng lực cho các cán bộ, cơ quan nhà nước để hoạt động bảo vệ trẻ em chất lượng và hiệu quả. ■

Tài liệu trích dẫn

Liên hợp quốc. 1948. Tuyên ngôn thế giới về quyền con người.

Liên hợp quốc. 1966. Công ước quốc tế về các quyền dân sự, chính trị.

Liên hợp quốc. 1966. Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa.

Liên hợp quốc. 1979. Công ước Xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với Phụ nữ.

Liên hợp quốc. 1989. Công ước quốc tế về Quyền trẻ em.

Ngọc Quỳnh. 2019. Ngăn chặn tội phạm xâm hại trẻ em.

<http://www.nhandan.com.vn/phapluat/item/39254002-ngan-chan-toi-pham-xam-hai-tre-em.html>.

Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. 2005. Luật Giáo dục.

Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. 2007. Luật phòng chống bạo lực gia đình.

Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. 2013. Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. 2014. Luật Hôn nhân và gia đình.

Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. 2014. Luật tổ chức Tòa án nhân dân.

Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. 2015. Bộ luật Hình sự và tố tụng hình sự.

Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. 2016. Luật Trẻ em.

Tăng Thị Thu Trang. 2016. Quyền trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt ở Việt Nam hiện nay. Luận án Tiến sĩ.